

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO
BÌ BIÊN HÒA
BIEN HOA PACKAGING
JOINT STOCK COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: 23 / SVI-2024
No.: 23 / SVI-2024

Đồng Nai, ngày 28 tháng 03 năm 2024
Dong Nai, day 28 month 03 year 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN/ INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/ To: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ The State Securities Commission
Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ Hochiminh Stock Exchange

1. Tên tổ chức/Name of organization: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA/ BIEN HOA PACKAGING JOINT STOCK COMPANY

- Mã chứng khoán/Stock code: SVI

- Địa chỉ/Address: Đường 7, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam/ Street No. 7, Bien Hoa Industrial Zone 1, An Binh Ward, Biên Hòa City, Dong Nai Province, Viet Nam.

- Điện thoại/Tel.: 0251.3836121 - Fax: 0251.3832939 - E-mail: ducph@sovi.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2023 (kèm giải trình).

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/03/2024 tại đường dẫn codong.sovi.com.vn/ This information was published on the company's website on 28/03/2024, as in the link codong.sovi.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/ We hereby certify that the information provided is true, correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

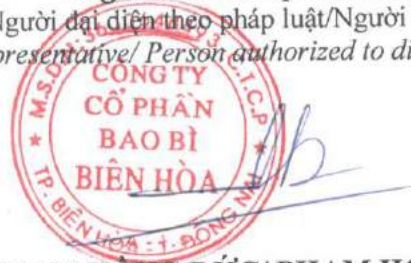
Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2023.

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

Legal representative/ Person authorized to disclose information



PHẠM HỒNG ĐỨC/ PHAM HONG DUC
Giám đốc tài chính/ CFO



Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2023



Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp 4703000057
3600648493

ngày 14 tháng 8 năm 2003

ngày 24 tháng 1 năm 2022

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3600648493 ngày 24 tháng 1 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đầu tiên và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Jakjit Klomsing	Chủ tịch
Ông Sompob Witworrasakul	Phó Chủ tịch
Ông Hirofumi Hori	Thành viên
Ông Toshinobu Sada	Thành viên
Ông Ekarach Sinnarong	Thành viên
Ông Đình Quang Hùng	Thành viên
Bà Saranya Skontanarak	Thành viên
Ông Nguyễn Quý Thịnh	Thành viên
Ông Amnuay Pattaramongkolkul	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Krasame Singhakul	Trưởng ban
Ông Wattana Intachoom	Thành viên
Bà Theamhathai Tibfan	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Ekarach Sinnarong	Tổng Giám đốc
Ông Đặng Ngọc Diệp	Giám đốc điều hành
Ông Trần Trang Bình	Phó Giám đốc điều hành
Ông Phạm Hồng Đức	Giám đốc tài chính

**Người đại diện
theo Pháp luật**

Ông Ekarach Sinnarong	Tổng Giám đốc
-----------------------	---------------

Trụ sở đăng ký

Đường số 7, KCN Biên Hòa 1
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa
Tỉnh Đồng Nai
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hoà Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hoà (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 40 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm này.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc *lb*

Ekarach Sinnarong
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, ngày 28 tháng 3 năm 2024

12/3/2024



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 3 năm 2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 40.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 23-01-00296-24-1

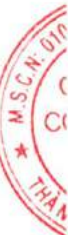


Chang Hung Chun
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Tuấn
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0436-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2024

/s/ Nguyễn Anh Tuấn



Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		943.124.263.576	918.699.310.962
Tiền	110	4	52.975.164.596	72.529.006.552
Tiền	111		52.975.164.596	72.529.006.552
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		410.990.000.000	321.020.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	410.990.000.000	321.020.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		321.180.782.509	349.007.798.118
Phải thu của khách hàng	131	6	311.268.190.210	344.134.720.250
Trả trước cho người bán	132	7	6.568.480.504	1.790.221.541
Phải thu khác	136	8	4.007.003.626	4.392.093.420
Dự phòng phải thu khó đòi	137	9	(662.891.831)	(1.309.237.093)
Hàng tồn kho	140	10	156.581.930.590	172.615.264.357
Hàng tồn kho	141		157.372.889.339	174.765.497.676
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(790.958.749)	(2.150.233.319)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.396.385.881	3.527.241.935
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11(a)	1.396.385.881	3.527.241.935
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	200		281.219.974.144	299.879.372.242
Các khoản phải thu - dài hạn	210		98.025.000	98.025.000
Phải thu dài hạn khác	216		98.025.000	98.025.000
Tài sản cố định	220		138.718.092.317	162.005.460.364
Tài sản cố định hữu hình	221	12	138.637.858.983	161.850.907.940
Nguyên giá	222		674.120.286.278	661.344.157.761
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(535.482.427.295)	(499.493.249.821)
Tài sản cố định vô hình	227	13	80.233.334	154.552.424
Nguyên giá	228		3.048.022.613	2.965.022.613
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.967.789.279)	(2.810.470.189)
Tài sản dở dang dài hạn	240		12.882.207.253	6.608.512.000
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	12.882.207.253	6.608.512.000
Tài sản dài hạn khác	260		129.521.649.574	131.167.374.878
Chi phí trả trước dài hạn	261	11(b)	127.055.133.444	128.823.709.084
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	2.466.516.130	2.343.665.794
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.224.344.237.720	1.218.578.683.204

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		394.594.428.588	491.221.807.274
Nợ ngắn hạn	310		388.913.773.081	485.342.223.450
Phải trả người bán	311	16	302.361.261.520	295.685.347.569
Người mua trả tiền trước	312		21.391.884	97.521.676
Thuế phải nộp Nhà nước	313	17(a)	10.933.342.167	12.675.503.253
Phải trả người lao động	314		10.621.264.382	9.395.241.437
Chi phí phải trả	315	18	27.633.084.458	25.027.902.315
Phải trả ngắn hạn khác	319		3.735.609.722	458.936.007
Vay ngắn hạn	320	19	33.607.545.793	141.739.413.927
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	20	273.155	262.357.266
Nợ dài hạn	330		5.680.655.507	5.879.583.824
Dự phòng phải trả dài hạn	342	21	5.680.655.507	5.879.583.824
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		829.749.809.132	727.356.875.930
Vốn chủ sở hữu	410	22	829.749.809.132	727.356.875.930
Vốn cổ phần	411	23	128.324.370.000	128.324.370.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		128.324.370.000	128.324.370.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		636.060.646	636.060.646
Quỹ đầu tư phát triển	418		153.593.356.183	153.593.356.183
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		547.196.022.303	444.803.089.101
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		414.775.186.521	328.210.179.220
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		132.420.835.782	116.592.909.881
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.224.344.237.720	1.218.578.683.204

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Lý Phát
Kế toán

Người duyệt:



Phạm Hồng Đức
Kế toán trưởng

Người duyệt:




Ekarach Sinnarong
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
Doanh thu bán hàng	01	25	1.507.523.153.066	1.880.128.841.357
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	2.025.880.295	2.063.648.709
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	25	1.505.497.272.771	1.878.065.192.648
Giá vốn hàng bán	11	26	1.244.466.269.818	1.611.209.389.407
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		261.031.002.953	266.855.803.241
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	30.253.938.758	15.322.620.592
Chi phí tài chính	22	28	6.329.538.794	5.526.406.774
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		5.762.764.493	5.167.866.578
Chi phí bán hàng	25	29	72.020.313.419	82.895.602.545
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	45.781.514.578	43.451.053.925
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		167.153.574.920	150.305.360.589
Thu nhập khác	31		591.934.966	1.717.122.367
Chi phí khác	32		994.724.685	3.642.735.213
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(402.789.719)	(1.925.612.846)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		166.750.785.201	148.379.747.743
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	34.452.799.755	31.485.544.065
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	32	(122.850.336)	301.293.797
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		132.420.835.782	116.592.909.881
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	10.319	9.086

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Lý Phát
Kế toán

Người duyệt:



Phạm Hồng Đức
Kế toán trưởng

Người duyệt:




Ekarach Sinnarong
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		166.750.785.201	148.379.747.743
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		36.402.048.564	43.285.203.647
Các khoản dự phòng	03		(1.726.356.788)	2.201.652.863
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		227.898.501	(97.068.003)
(Lãi)/lỗ từ thanh lý và xóa sổ tài sản cố định	05		(19.444.444)	1.684.911.147
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(29.870.910.841)	(14.905.113.990)
Chi phí lãi vay	06		5.762.764.493	5.167.866.578
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		177.526.784.686	185.717.199.985
Biến động các khoản phải thu	09		34.101.620.012	88.310.328.243
Biến động hàng tồn kho	10		17.392.608.337	39.297.883.152
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		3.506.726.076	(60.436.315.314)
Biến động chi phí trả trước	12		3.899.431.694	2.423.392.745
			236.427.170.805	255.312.488.811
Tiền lãi vay đã trả	14		(5.762.764.493)	(5.379.328.208)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(36.747.473.939)	(30.003.524.573)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(262.084.111)	(2.457.711.176)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		193.654.848.262	217.471.924.854
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(15.621.989.273)	(39.138.077.867)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		19.444.444	611.585.185
Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn	23		(563.370.000.000)	(396.773.972.603)
Tiền thu hồi từ tiền gửi có kỳ hạn	24		473.400.000.000	210.253.972.603
Tiền thu lãi tiền gửi	27		30.377.751.527	11.810.570.019
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(75.194.793.302)	(213.235.922.663)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		346.982.453.535	601.056.264.427
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(455.114.321.669)	(574.737.979.666)
Tiền trả cổ tức	36		(30.027.902.580)	(23.098.386.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(138.159.770.714)	3.219.898.161
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(19.699.715.754)	7.455.900.352
Tiền đầu năm	60		72.529.006.552	64.896.811.446
Ảnh hưởng của biến động tỷ giá đối với tiền	61		145.873.798	176.294.754
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	52.975.164.596	72.529.006.552

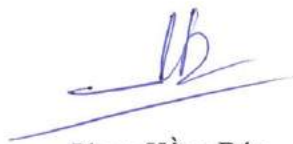
Ngày 28 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Lý Phát
Kế toán

Người duyệt:



Phạm Hồng Đức
Kế toán trưởng

Người duyệt:




Ekarach Sinnarong
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 12 tháng 3 năm 2012, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) theo Quyết định số 17/2012/QĐ-SGDHCM ngày 5 tháng 3 năm 2012 của Tổng Giám đốc của HOSE với mã chứng khoán là “SVI”.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có một chi nhánh phụ thuộc (1/1/2023: một chi nhánh phụ thuộc).

Chi nhánh được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Chi nhánh số 3600648493-001 ngày 11 tháng 1 năm 2011, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu, và giấy chứng nhận điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Chi nhánh số 3600648493-001 ngày 13 tháng 5 năm 2020. Chi nhánh đặt tại Lô B-6A-CN Khu công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Mỹ Phước, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 674 nhân viên (1/1/2023: 716 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc năm kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 6 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	4 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 năm đến 5 năm.

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 43 năm đến 50 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Chênh lệch giữa tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán năm của báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty được trình bày theo hoạt động kinh doanh.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì và các hoạt động sản xuất kinh doanh khác. Trong năm, các hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023 và toàn bộ doanh thu và chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

(r) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê mà Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty.

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(t) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. Tiền

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tiền mặt	158.529.447	120.592.269
Tiền gửi ngân hàng	52.816.635.149	72.408.414.283
	52.975.164.596	72.529.006.552

5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc 6 tháng.

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***6. Phải thu của khách hàng****(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo nhóm khách hàng**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Các khách hàng lớn (Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam, Công ty TNHH Nestlé Việt Nam, Công ty TNHH Nước Giải Khát Suntory Pepsico Việt Nam)	100.758.273.965	126.721.504.372
Các khách hàng khác	210.509.916.245	217.413.215.878
	<hr/> 311.268.190.210	<hr/> 344.134.720.250

(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty Cổ phần Sản xuất nhựa Duy Tân	7.466.936.180	4.127.364.137
Công ty TNHH Công nghiệp Tân Á	6.966.948.636	298.243.253
Công ty TNHH Giấy Kraft Vina	3.059.326.800	3.847.879.080
Công ty TNHH Sản xuất Bao bì Alcamax (Việt Nam)	1.339.263.136	736.097.815
Công ty Cổ phần Bao bì Tín Thành	896.211.724	723.488.598
Công ty TNHH Ngói Bê Tông SCG (Việt Nam)	49.140.000	-
Công ty TNHH Sản Xuất Bao Bì Packamex (Việt Nam)	38.059.200	-
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu hồi trong vòng từ 30 đến 60 ngày kể từ ngày lập hóa đơn.

7. Trả trước cho người bán

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty TNHH Công Nghiệp PTS	6.504.841.108	-
Công ty TNHH Công nghiệp Minh Đăng	-	1.369.325.638
Các nhà cung cấp khác	63.639.396	420.895.903
	<hr/> 6.568.480.504	<hr/> 1.790.221.541

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Lãi dự thu	3.637.518.901	4.144.359.587
Đặt cọc	318.100.000	232.488.000
Tạm ứng cho nhân viên	2.000.000	-
Khác	49.384.725	15.245.833
	<hr/>	<hr/>
	4.007.003.626	4.392.093.420
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Dự phòng phải thu khó đòi

	31/12/2023			1/1/2023				
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<i>Nợ quá hạn</i>								
Công ty TNHH Kim Bách Tùng	Trên 3 năm	376.934.200	376.934.200	-	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	426.934.209	298.853.940	128.080.269
Công ty TNHH Mostly Vietnam Industries	Từ 1 năm đến dưới 3 năm	120.395.374	84.276.762	36.118.612	Từ 1 năm đến dưới 3 năm	120.395.374	60.197.687	60.197.687
Công ty TNHH Tingco Bình Định	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	126.550.512	63.275.256	63.275.256	-	-	-	-
Công ty TNHH Seven Colors	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	111.506.224	55.753.112	55.753.112	Từ 6 tháng đến 1 năm	2.230.124.490	669.037.359	1.561.087.131
Ana Water and Smiler Beverage Co., Ltd	-	-	-	-	Trên 4 năm	184.236.473	184.236.473	-
Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam	-	-	-	-	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	39.780.170	19.890.096	19.890.074
Các khách hàng khác	Từ 6 tháng đến 3 năm	91.098.890	82.652.501	8.446.389	Từ 6 tháng đến 3 năm	91.098.914	77.021.538	14.077.376
		826.485.200	662.891.831	163.593.369		3.092.569.630	1.309.237.093	1.783.332.537

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	1.309.237.093	2.631.995.109
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(464.391.093)	(176.153.910)
Dự phòng sử dụng trong năm	(181.954.169)	(1.146.604.106)
Số dư cuối năm	<u>662.891.831</u>	<u>1.309.237.093</u>

10. Hàng tồn kho

	31/12/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	4.078.266.719	-	326.370.555	-
Nguyên vật liệu	137.155.938.843	-	159.775.649.111	-
Công cụ và dụng cụ	259.521.851	-	204.562.462	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.156.292.819	-	4.043.130.890	-
Thành phẩm	11.560.470.970	(790.958.749)	10.415.784.658	(2.150.233.319)
Hàng gửi đi bán	162.398.137	-	-	-
	<u>157.372.889.339</u>	<u>(790.958.749)</u>	<u>174.765.497.676</u>	<u>(2.150.233.319)</u>

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	2.150.233.319	114.988.548
Trích lập dự phòng trong năm	-	2.035.244.771
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.359.274.570)	-
Số dư cuối năm	<u>790.958.749</u>	<u>2.150.233.319</u>

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***11. Chi phí trả trước****(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công cụ và dụng cụ	819.742.358	2.411.633.067
Chi phí bảo hiểm trả trước	28.326.000	523.351.863
Sửa chữa và bảo trì	238.001.293	195.404.248
Khác	310.316.230	396.852.757
	<hr/>	<hr/>
	1.396.385.881	3.527.241.935
	<hr/>	<hr/>

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Sửa chữa và bảo trì VND	Công cụ và dụng cụ VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	126.182.314.411	532.176.494	956.035.623	1.153.182.556	128.823.709.084
Tăng trong năm	-	2.259.997.435	1.744.094.343	614.359.680	4.618.451.458
Phân bổ trong năm	(3.485.961.672)	(767.605.080)	(1.360.101.402)	(773.358.944)	(6.387.027.098)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	122.696.352.739	2.024.568.849	1.340.028.564	994.183.292	127.055.133.444
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	140.213.459.184	492.359.416.720	17.334.543.871	11.135.607.622	301.130.364	661.344.157.761
Tăng trong năm	61.967.000	1.368.828.000	-	318.565.000	-	1.749.360.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản đờ đang	-	11.191.600.517	-	90.720.000	-	11.282.320.517
Thanh lý	-	(255.552.000)	-	-	-	(255.552.000)
Số dư cuối năm	140.275.426.184	504.664.293.237	17.334.543.871	11.544.892.622	301.130.364	674.120.286.278
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	75.632.600.133	400.236.887.251	13.383.612.966	9.982.331.607	257.817.864	499.493.249.821
Khấu hao trong năm	5.777.970.066	28.258.853.485	1.438.769.925	756.760.998	12.375.000	36.244.729.474
Thanh lý	-	(255.552.000)	-	-	-	(255.552.000)
Số dư cuối năm	81.410.570.199	428.240.188.736	14.822.382.891	10.739.092.605	270.192.864	535.482.427.295
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	64.580.859.051	92.122.529.469	3.950.930.905	1.153.276.015	43.312.500	161.850.907.940
Số dư cuối năm	58.864.855.985	76.424.104.501	2.512.160.980	805.800.017	30.937.500	138.637.858.983

Trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là các tài sản có nguyên giá 351.708.450.129 VND đã khấu hao hết (1/1/2023: 309.383.910.244 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định vô hình

	Nhãn hiệu VND	Phần mềm vi tính VND	Khác VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	232.020.000	2.632.334.724	100.667.889	2.965.022.613
Tăng trong năm	-	83.000.000	-	83.000.000
Số dư cuối năm	232.020.000	2.715.334.724	100.667.889	3.048.022.613
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	232.020.000	2.477.782.300	100.667.889	2.810.470.189
Khấu hao trong năm	-	157.319.090	-	157.319.090
Số dư cuối năm	232.020.000	2.635.101.390	100.667.889	2.967.789.279
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	-	154.552.424	-	154.552.424
Số dư cuối năm	-	80.233.334	-	80.233.334

Trong nguyên giá tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là các tài sản có nguyên giá 2.965.022.613 VND đã được khấu hao hết (1/1/2023: 2.156.334.089 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

14. Xây dựng cơ bản dở dang

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	6.608.512.000	10.267.662.999
Tăng trong năm	17.556.015.770	35.364.707.158
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(11.282.320.517)	(36.736.120.385)
Xóa sổ	-	(2.287.737.772)
Số dư cuối năm	12.882.207.253	6.608.512.000

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Chi tiết các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Máy móc	12.482.207.253	6.608.512.000
Khác	400.000.000	-
	12.882.207.253	6.608.512.000

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Dự phòng trợ cấp thôi việc	20%	1.136.131.101	1.175.916.765
Khác	20%	1.330.385.029	1.167.749.029
		2.466.516.130	2.343.665.794

16. Phải trả cho người bán**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty TNHH Giấy Kraft Vina	106.490.146.458	147.575.939.406
Công ty TNHH Giấy Bình Chiểu	32.493.664.080	27.295.859.574
Công ty TNHH Giấy Đồng Tiến Bình Dương	31.708.120.005	23.061.131.460
Công ty Cổ phần Đồng Hải Bến Tre	27.490.499.712	16.922.694.744
Các nhà cung cấp khác	104.178.831.265	80.829.722.385
	302.361.261.520	295.685.347.569
Số có khả năng trả nợ	302.361.261.520	295.685.347.569

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Công ty TNHH Giấy Kraft Vina	106.490.146.458	147.575.939.406
Thai Containers Group Co., Ltd	12.926.646.328	4.609.100.421
SCG Packaging Public Co., Ltd	2.741.240.504	850.899.672
PT. Dayasa Aria Prima	2.280.930.222	-
PT. Farar Surya Wisesa TBK	805.727.076	-
Công ty TNHH Công nghiệp Tân Á	643.344.768	-
The Siam Cement Public Co., Ltd	260.316.313	1.124.558.520
Công ty Cổ phần Sản xuất nhựa Duy Tân	104.597.461	213.672.000
Công ty TNHH Packamex (Việt Nam)	52.833.600	137.595.076
Công ty TNHH Sản xuất Bao bì Alcamax (Việt Nam)	-	3.175.200

Các khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng từ 30 đến 90 ngày kể từ ngày lập hóa đơn.

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Thuế	1/1/2023 VND	Số phát sinh VND	Số đã nộp VND	Số đã cân trừ VND	31/12/2023 VND
(a) Thuế phải nộp Nhà nước					
Thuế giá trị gia tăng	1.357.582.865	171.677.170.890	(24.653.038.409)	(146.549.504.807)	1.832.210.539
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.311.262.401	34.452.799.755	(36.747.473.939)	-	8.016.588.217
Thuế thu nhập cá nhân	1.006.657.987	8.865.057.734	(8.787.172.310)	-	1.084.543.411
Thuế khác	-	43.205.517	(43.205.517)	-	-
	12.675.503.253	215.038.233.896	(70.230.890.175)	(146.549.504.807)	10.933.342.167
(b) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ					
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	-	-	146.549.504.807	(146.549.504.807)	-

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Chi phí phải trả

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Thưởng nhân viên	27.041.143.148	24.585.704.457
Chi phí khác	591.941.310	442.197.858
	<hr/>	<hr/>
	27.633.084.458	25.027.902.315
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Vay ngắn hạn

	1/1/2023 VND	Biến động trong năm		31/12/2023 VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	141.739.413.927	346.982.453.535	(455.114.321.669)	33.607.545.793
Số có khả năng trả nợ	141.739.413.927			33.607.545.793

Số dư của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	31/12/2023		1/1/2023	
		VND	VND	VND	VND
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH	VND	33.607.545.793		25.503.217.848	
Ngân hàng Malayan Banking Berhad – Chi nhánh Hà Nội	VND	-		76.986.864.429	
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) – Chi nhánh Hồ Chí Minh	VND	-		39.249.331.650	
		33.607.545.793		141.739.413.927	

Các khoản vay trên không được đảm bảo.

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

20. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được sử dụng để chi trả cho các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	262.357.266	2.720.068.442
Sử dụng trong năm	(262.084.111)	(2.457.711.176)
Số dư cuối năm	273.155	262.357.266

21. Dự phòng phải trả dài hạn

Biến động của dự phòng phải trả dài hạn trong năm như sau:

	Trợ cấp thôi việc VND
Số dư đầu năm	5.879.583.824
Dự phòng trích lập trong năm	97.308.875
Dự phòng sử dụng trong năm	(296.237.192)
Số dư cuối năm	5.680.655.507

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển (**) VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	128.324.370.000	636.060.646	153.593.356.183	351.308.565.820	633.862.352.649
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	116.592.909.881	116.592.909.881
Cổ tức (*)	-	-	-	(23.098.386.600)	(23.098.386.600)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	128.324.370.000	636.060.646	153.593.356.183	444.803.089.101	727.356.875.930
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	132.420.835.782	132.420.835.782
Cổ tức (*)	-	-	-	(30.027.902.580)	(30.027.902.580)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	128.324.370.000	636.060.646	153.593.356.183	547.196.022.303	829.749.809.132

(*) Tại cuộc họp ngày 24 tháng 3 năm 2023, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức với số tiền là 30.027 triệu VND (2022: 23.098 triệu VND).

(**) Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***23. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/12/2023 và 1/1/2023	
	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	12.832.437	128.324.370.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	12.832.437	128.324.370.000

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023 như sau:

	Số lượng cổ phiếu	Vốn cổ phần VND	Tỷ lệ sở hữu
TCG Solutions Pte. Ltd	12.076.587	120.765.870.000	94,11%
Các cổ đông khác	755.850	7.558.500.000	5,89%
	12.832.437	128.324.370.000	100%

Công ty mẹ, TCG Solutions Pte. Ltd, được thành lập tại Singapore. Công ty mẹ cấp cao nhất, The Siam Cement Public Company Limited, được thành lập tại Thái Lan.

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Trong vòng một năm	1.919.877.768	1.742.877.768
Trong vòng hai đến năm năm	5.747.423.840	6.530.363.840
Sau năm năm	17.692.269.240	18.441.895.008
	25.359.570.848	26.715.136.616

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2023		1/1/2023	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	39.065	940.273.884	50.081	1.172.388.677
EUR	262	6.906.505	261	6.449.788
		947.180.389		1.178.838.465

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày lập báo cáo, Công ty có các cam kết chi tiêu vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	309.416.303	677.527.560
	309.416.303	677.527.560

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***25. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2023 VND	2022 VND
Tổng doanh thu		
▪ Thành phẩm đã bán	1.454.694.118.332	1.801.750.800.081
▪ Phế liệu đã bán	52.829.034.734	78.378.041.276
	<hr/> 1.507.523.153.066	<hr/> 1.880.128.841.357
Các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(1.341.727.178)	(2.063.648.709)
▪ Giảm giá hàng bán	(192.803.221)	-
▪ Chiết khấu thương mại	(491.349.896)	-
	<hr/> (2.025.880.295)	<hr/> (2.063.648.709)
	<hr/> 1.505.497.272.771	<hr/> 1.878.065.192.648

26. Giá vốn hàng bán

	2023 VND	2022 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	1.194.263.792.566	1.534.547.510.982
▪ Phế liệu đã bán	50.202.477.252	76.661.878.425
	<hr/> 1.244.466.269.818	<hr/> 1.611.209.389.407

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	2023 VND	2022 VND
Thu nhập lãi tiền gửi	29.870.910.841	14.905.113.990
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	383.027.917	320.438.599
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	97.068.003
	<hr/>	<hr/>
	30.253.938.758	15.322.620.592

28. Chi phí tài chính

	2023 VND	2022 VND
Chi phí lãi vay	5.762.764.493	5.167.866.578
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	278.616.585	358.540.196
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	227.898.501	-
Chi phí khác	60.259.215	-
	<hr/>	<hr/>
	6.329.538.794	5.526.406.774

29. Chi phí bán hàng

	2023 VND	2022 VND
Chi phí vận chuyển	49.127.694.133	60.718.279.530
Chi phí nhân viên	19.022.412.472	19.655.549.624
Chi phí quảng cáo	1.030.399.716	995.969.903
Chi phí hoa hồng	-	179.685.049
Chi phí khác	2.839.807.098	1.346.118.439
	<hr/>	<hr/>
	72.020.313.419	82.895.602.545

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***30. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2023	2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên	28.954.194.606	27.963.803.168
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.624.220.606	5.814.333.579
Chi phí công cụ và dụng cụ	3.750.169.697	4.352.248.551
Chi phí khấu hao	848.361.936	1.071.761.611
Dự phòng trợ cấp thôi việc	97.308.875	342.562.002
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(464.391.093)	(176.153.910)
Chi phí khác	7.971.649.951	4.082.498.924
	<hr/>	<hr/>
	45.781.514.578	43.451.053.925
	<hr/>	<hr/>

31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2023	2022
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	968.691.491.960	1.312.676.922.330
Chi phí nhân viên	188.252.487.307	178.862.472.466
Chi phí dịch vụ mua ngoài	83.308.331.988	95.858.671.256
Chi phí vận chuyển	49.127.694.133	60.718.279.530
Chi phí khấu hao và phân bổ	36.402.048.564	43.285.203.647
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.359.274.570)	2.035.244.771
Dự phòng trợ cấp thôi việc	97.308.875	342.562.002
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(464.391.093)	(176.153.910)
Chi phí khác	38.212.400.651	33.254.028.445
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***32. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2023 VND	2022 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	34.452.799.755	30.131.366.266
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	1.354.177.799
	<hr/> 34.452.799.755	<hr/> 31.485.544.065
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(122.850.336)	301.293.797
	<hr/> 34.329.949.419	<hr/> 31.786.837.862

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2023 VND	2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	166.750.785.201	148.379.747.743
	<hr/> 33.350.157.040	<hr/> 29.675.949.549
Thuế theo thuế suất của Công ty	1.119.193.114	1.660.571.740
Chi phí không được khấu trừ thuế	-	1.354.177.799
Dự phòng thiếu trong những năm trước	(139.400.735)	(903.861.226)
Thay đổi chênh lệch tạm thời chưa ghi nhận	<hr/> 34.329.949.419	<hr/> 31.786.837.862

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản của Luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi và quỹ khen thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát cho kỳ kế toán và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2023 VND	2022 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	132.420.835.782	116.592.909.881
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (*)	-	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	132.420.835.782	116.592.909.881

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính này, công ty không thể ước tính một cách chính xác số lợi nhuận sẽ được trích lập vào các quỹ này do việc trích lập các quỹ này chưa được các cổ đông thông qua. Nếu Công ty trích lập các quỹ này thì lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2023	2022
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	12.832.437	12.832.437
Cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	12.832.437	12.832.437

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này. Trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
Công ty mẹ cấp cao nhất		
The Siam Cement Public Co., Ltd		
Mua dịch vụ	260.316.313	1.124.558.520
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Giấy Kraft Vina		
Bán hàng hóa	32.839.018.800	39.935.173.000
Mua hàng hóa	354.953.345.017	433.407.033.589
Công ty Cổ phần Bao bì Tín Thành		
Bán hàng hóa	4.053.395.773	5.170.902.737
Công ty TNHH Công nghiệp Tân Á		
Bán hàng hóa	18.523.948.631	2.675.715.617
Mua hàng hóa	990.405.846	726.485.300
Công ty TNHH Sản xuất Bao bì Alcamax (Việt Nam)		
Bán hàng hóa	3.942.992.731	5.711.336.913
Mua hàng hóa	46.011.444	2.940.000
Phí gia công	-	133.825.500
Công ty Cổ phần Sản xuất nhựa Duy Tân		
Bán hàng hóa	32.213.240.402	23.320.744.069
Mua hàng hóa	769.412.110	803.779.200
Thai Containers Group Co., Ltd		
Phí quản lý	8.932.772.114	8.230.486.621
Mua tài sản cố định	9.708.985.000	37.435.370
Công ty TNHH Packamex (Việt Nam)		
Bán hàng hóa	35.240.000	-
Mua hàng hóa	442.303.190	592.111.548
Bán tài sản cố định hữu hình	-	482.874.074
PT. Dayasa Aria Prima		
Mua hàng hóa	2.586.299.295	6.592.896.030
Công ty TNHH Ngói Bê Tông SCG (Việt Nam)		
Bán hàng hóa	164.920.000	124.500.000

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
SCG Packaging Public Co., Ltd Mua dịch vụ	1.890.340.832	850.899.672
PT Fajar Surya Wisea TBK Bán hàng hóa	1.069.605.756	-
Công ty TNHH Bao Bì AP (Hà Nội) Mua tài sản cố định	551.000.000	-
<i>Nhân sự quản lý chủ chốt</i> Ban Tổng Giám đốc Lương và thưởng	5.483.591.094	5.085.517.702
<i>Hội đồng Quản trị</i> <i>Chủ tịch</i> Ông Jakit Klomsing Thù lao	-	-
<i>Phó Chủ tịch</i> Ông Sompob Witworrasakul Thù lao	-	-
<i>Thành viên</i> Ông Hirofumi Hori Thù lao	-	-
Ông Toshinobu Sada Thù lao	-	-
Ông Ekarach Sinnarong Thù lao	-	-
Ông Ammuay Pattaramongkolbul Thù lao	-	-
Ông Đinh Quang Hùng Thù lao	145.800.000	145.800.000
Bà Saranya Skontanarak Thù lao	129.600.000	129.600.000
Ông Nguyễn Quý Thịnh Thù lao	145,800,000	145,800,000

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Giá trị giao dịch	
2023	2022
VND	VND

Ban Kiểm soát
Thành viên của Ban Kiểm soát
Thù lao

35. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư

	2023	2022
	VND	VND
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình chưa thanh toán	10.074.020.000	-

36. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

Người lập:

Lý Phát
Lý Phát
Kế toán

Người duyệt:

Phạm Hồng Đức
Phạm Hồng Đức
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Ekarach Sinnarong
Ekarach Sinnarong
Tổng Giám đốc





Biên Hòa, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Số 22/SVI-2024

V/v : Giải trình lợi nhuận sau thuế TNDN
tại báo cáo KQHĐKD năm 2023 đã được kiểm
toán thay đổi (tăng) trên 10% so với năm 2022.

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH**

Lời đầu tiên, Công ty cổ phần Bao Bì Biên Hòa kính gửi đến Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán TPHCM lời chào trân trọng và cảm ơn chân thành về sự hỗ trợ của Quý cơ quan trong thời gian vừa qua.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 14 Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty Cổ phần Bao bì Biên Hòa (gọi tắt là SOVI. Mã chứng khoán: SVI) xin gửi đến Quý cơ quan giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2023 tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh đã được kiểm toán thay đổi (tăng) trên 10% so với năm 2022 như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	Chênh lệch	Tỷ lệ
(1)	(2)	(3)	(4) = (2)-(3)	(5)=(4)/(3)
Doanh thu thuần	1.505.497.272.771	1.878.065.192.648	(372.567.919.877)	-19,84%
Lợi nhuận gộp	261.031.002.953	266.855.803.241	(5.824.800.288)	-2,18
Thu nhập thuần từ hoạt động tài chính	23.924.399.964	9.796.213.818	14.128.186.146	144,22%
Lợi nhuận sau thuế TNDN tại báo cáo KQHĐKD đã được kiểm toán	132.420.835.782	116.592.909.881	15.827.925.901	13,57%



Nguyên nhân lợi nhuận sau thuế TNDN tại báo cáo KQHĐKD năm 2023 đã được kiểm toán thay đổi (tăng) trên 10% so với năm 2022 là 13,57%: Chủ yếu do tăng cường công tác quản lý, nâng cao năng suất, cắt giảm các khoản chi phí lãng phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh và thu nhập thuần từ hoạt động tài chính tăng.

Trên đây là giải trình của SOVI.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu : QTHC

TỔNG GIÁM ĐỐC *lb*



EKARACH SINNARONG *2022*

